

# NHỮNG CON CHỮ DỊU DÀNG CỦA HONORÉ DE BALZAC

## MỘT MẢNH ĐOẠN DƯỚI THỜI KHỦNG BỐ

(Truyện ngắn Pháp)

Tác giả: **Honore de Balzac**

**TTBG** chuyển Việt ngữ.

*\*/ Tặng Monsieur Guyonnet-Merville.  
(Lời ghi của Balzac).*

### **(TTBG giới thiệu).**

*HONORÉ DE BALZAC (1799-1850), một khuôn mặt văn chương vĩ đại của nhân loại dựa theo tác phẩm La Comédie Humaine (Kịch Đời) bao gồm 91 chuyện kể vừa tiểu thuyết vừa truyện ngắn.*

*Chào đời năm 1799 tại tỉnh Tours (miền Tây nước Pháp), nhưng nhà văn trải qua phần lớn đời mình tại Paris.*

*Từ tuổi lên năm, khi mới chỉ tập đọc Thánh Kinh, ông đã tỏ ra say mê tất cả mọi dòng chữ in nào đến trong tầm tay và có khả năng hấp thụ ý nghĩa từ một trang sách trong chỉ một thoáng nhìn liếc.*

*Tất cả những chi tiết về ngày tháng, dữ kiện, sự diễn tả và các ý tưởng thu thập trong thời niên thiếu gom thành một khối tích trữ lớn trong trí nhớ, về sau được ông trút cả ra trên văn chương.*

*\*/ Truyện ngắn dưới đây dựng bối cảnh trong thời Khủng Bố ở Paris, (người Pháp gọi “le Terreur”) xảy ra từ ngày 2 September 1793 cho đến ngày 28 July 1794, qua đó vô số người thuộc giới quý tộc và tu sĩ, từ vua Louis XVI, hoàng hậu Marie Antoinette trở xuống, đều bị đưa lên giàn máy chém ngay trước mặt dân chúng nhằm đáp ứng sự sôi sục của cuộc Cách mạng xảy ra trong dân chúng kể từ sau cuộc phá đổ ngục Bastille ở Paris vào rạng sáng ngày 14 tháng 7/1789.*

*Người cầm đầu cuộc khủng bố là Maximilien Robespierre và Ủy Ban Chấp Hành Xử Tử của ông ta.*

\*

\* \*

I.

Vào ngày 22 tháng Một năm 1793, khoảng tám giờ tối, một phụ nữ đã lớn tuổi bước đi trên một con đường dốc dẫn xuống ngõ cụt đối diện với ngôi nhà thờ Saint Laurent trong vùng Faubourg Saint Martin.

Tuyết rơi suốt ngày, dày đặc đến nỗi những bước chân của người phụ nữ vang lên nghe xào xạc trên các con đường vắng. Một làn không khí khiếp đảm bao phủ không gian tĩnh lặng được tạo ra bởi cái bối cảnh ghê rợn của thời Khủng Bố đang đè nặng lên nước Pháp.

Người phụ nữ không gặp kẻ nào khác trên đường. Thị lực của bà từ lâu bị yếu, nên dưới ánh đèn vàng tỏa chiếu từ các cột điện, bà đã không thể nhìn thấy rằng, cũng có vài khách bộ hành rải rác như những cái bóng trên con đường rộng ở khoảng xa về hướng ngoại ô.

Đến cuối đường Rue des Morts, bà ngỡ như nghe thấy tiếng bước chân nặng nề, vững chắc của một người đàn ông đang bước phía sau. Cũng cái tiếng ấy, dường như bà từng đã nghe lúc trước. Hoảng hốt bởi ý nghĩ đang bị theo dõi, bà cố gắng bước nhanh về phía một cái quán nhỏ còn sáng ánh đèn, hy vọng là sẽ tự xác minh được cho những nỗi nghi ngờ đang đè nặng đầu óc.

Tới được dưới luồng sáng đang chiếu tỏa con đường, bất thần bà quay đầu và bắt gặp một dáng người đang hiện ra đằng xa trong sương mù. Cái nhìn lờ mờ cũng vừa đủ cho bà nhận biết điều ấy. Trong một thoáng, bà đâm choáng váng dưới sự đè nặng quá sức của lòng sợ hãi, tin chắc rằng người đàn ông kia đã theo sau trên trọn con đường từ nhà bà đi ra.

Thế rồi ước muốn trốn chạy khỏi kẻ dọa thám đã tạo nên sức mạnh cho bà. Không thể nghĩ gì cho rõ ràng được, bà bước nhanh gấp hai lần hơn trước như để có thể trốn thoát khỏi người đàn ông (dĩ nhiên cũng đang nhanh bước như bà).

Chỉ trong vài phút bà đã tìm được tới một cái quán bán bánh ngọt, bước vào và ngã dúi về phía trước (đúng hơn là ngồi xuống) trên một cái ghế bên cạnh quầy hàng.

Một phụ nữ trẻ đang bận rộn với việc thêu thùa, ngược nhìn lên cái vòng tròn của chốt cửa và nhìn ra ngoài đường xuyên qua những ô kính hình vuông. Vừa mới nhận ra cái khăn choàng bằng lụa màu tím đã lỗi thời trên vai bà khách, cô đã lập tức bước tới ngăn tủ để tìm cái gì đó dành cho người mới tới.

Không chỉ riêng động tác này cùng với sự biểu thị rõ ràng trên khuôn mặt cái ước muốn được thoát khỏi một vị khách không được chào đón, cô còn tự cho phép mình một tiếng la nôn nóng khi thấy cái ngăn trống rỗng.

Chẳng cần nhìn đến người phụ nữ lớn tuổi, cô vội vã đi vào phía trong, cất tiếng gọi anh chồng.

Anh thợ làm bánh xuất hiện tức thì.

"Anh để nó ở đâu...?" cô bắt đầu bằng giọng bí ẩn, liếc nhanh người khách với cái cách như để chấm dứt câu mình vừa hỏi.

Anh chồng ló đầu, thấy phân mũ trên của bà khách (một cái vành lớn bằng lụa màu đen với những giải băng màu tím tét chung quanh) đã ngó vợ như ý muốn nói:

"Bộ cô tưởng tôi để mặc cái vật ấy trên ngăn tủ của cô à?"

rồi biến vào bên trong.

Người phụ nữ lớn tuổi đứng yên như phỗng đến khiến cô chủ quán phải ngạc nhiên. Cô bước đến gần bà.

Qua cái nhìn cận hơn, một xung động bất ngờ của lòng thương hại trộn lẫn với sự tò mò dấy lên trong cô.

Khuôn mặt bà vốn thường tái xanh như đã phải thực hành rất nhiều khổ hạnh, bữa nay cô chủ quán dễ dàng nhận ra nó càng tái xanh nhiều hơn do bởi một kích động nào đó vừa mới xảy. Cái khăn trùm tề chỉnh bao trùm mái tóc bạc trắng. Rõ ràng là bà đã già bởi chẳng có dấu vết gì của phần tô trên cổ. Bộ áo quần mộc mạc rất thích hợp với cái vẻ khổ hạnh trên khuôn mặt, nhưng dáng điệu bà thì lại kiêu hãnh và nghiêm trang.

Trong thời kỳ trước, so với lớp người ở giai cấp bình dân thì thái độ và thói quen của những người ở giới quý tộc rất được dễ dàng nhận biết. Cô chủ quán tin chắc rằng bà khách là hạng đã từng ra vào nơi chốn cung đình như thế.

"Thưa bà," cô bắt đầu với sự tôn kính tự nhiên mà quên mất rằng lối xưng hô danh tước đã bị cấm bãi.

Người phụ nữ không trả lời. Bà cứ dán mắt nhìn qua cửa sổ như thể có cái gì đó thật đáng sợ đang tựa trên những ô kính.

Anh chồng chủ quán trở lại ngay lúc ấy, kéo người đàn bà khỏi sự đắm chiêu riêng bằng cách đưa ra một cái hộp nhỏ bọc bằng giấy màu xanh da trời.

"Có việc gì thế, nữ công dân?" ông ta hỏi.

"Không, chẳng có gì cả các bạn ạ," bà trả lời bằng giọng nhỏ nhẹ. Vừa nói bà vừa nhìn lên anh ta như để cảm ơn; nhưng khi thấy cái nón đỏ trên đầu anh ta thì bà chột bật tiếng la:

"A! Ông đã lừa gạt tôi!"

Người đàn ông và cô vợ trẻ đáp trả bằng bộ dáng phẫn nộ, mang lại chút hồng trên khuôn mặt người đàn bà, như thể giúp bà cảm thấy đỡ căng thẳng, hoặc có lẽ bà đỏ mặt vì sự ngờ vực của mình.

"Xin tha lỗi cho tôi!" bà nói với một âm giọng dịu dàng như trẻ thơ.

Rồi, lôi từ túi ra một đồng tiền vàng, bà đưa nó cho người chủ quán, nói:

"Đây là món tiền mà chúng ta đã thỏa thuận."

Có một loại túng thiếu được cảm nhận tức thì một cách tự nhiên bởi những kẻ đã từng thấu biết sự túng thiếu đó.

Người đàn ông và vợ nhìn nhau, rồi nhìn người đàn bà lớn tuổi trước mặt và cùng đọc thấy ý nghĩ lẫn nhau trong mắt mỗi người.

Quả thật đó là một đồng tiền vàng! Hai bàn tay người đàn bà run run một chút khi cầm nó, nhìn vào đó một cách buồn rầu nhưng không tỏ ra tiếc nuối, giống như một người hiểu được khoảng rộng đầy đủ của sự hy sinh. Sự đói và cảnh cơ hàn in dấu rõ trên khuôn mặt bà cũng giống như những dấu vết thực hành khổ hạnh và sự sợ hãi. Vài dấu tích thuộc về dĩ vãng kín đáo ẩn hiện. Bà vận cái áo choàng bằng lụa đã sờ mòn cả chỉ có một giải buộc được vá chừa khéo léo bằng những mảnh vụn của các trang phục huy hoàng còn sót lại của thuở ngày xưa.

Gã chủ quán và vợ bị lôi kéo bởi hai chiều hướng của lòng thương hại và tính vụ lợi, bắt đầu ru ngủ lương tâm bằng những lời dịu ngọt. Gã nói:

"Bà trông có vẻ rất nghèo, nữ công dân..."

Cô vợ chen vào:

"Có lẽ bà thích nhận lấy vài thứ ở đây?"

Gã chồng thêm:

"Chúng tôi có ít nước súp rất ngon..."

Cô vợ tiếp lời chồng:

"Trời đang rất lạnh; sợ bà sẽ bị cảm, thưa bà. Bà có thể lưu lại đây sưởi ấm đôi chút."

Gã chồng nói to:

"Chúng tôi không quá dư tợn như quý đâu!"

Sự lưu tâm tử tế trong lời lẽ và giọng nói của hai vợ chồng chủ quán đã chinh phục được lòng tin cậy của người đàn bà trọng tuổi nên bà bắt đầu kể cho họ nghe rằng có một người đàn ông đi theo sau lưng và bà sợ phải đi về nhà một mình.

"Chỉ vậy thôi sao!" gã chồng đội nón đỏ đáp lại; "hãy đợi tôi, nữ công dân!"

Gã trao đồng tiền vàng cho vợ, rồi mặc vào người bộ đồng phục Vệ Binh Quốc Gia, trong đầu bị thúc đẩy bởi ước muốn rằng có thể kiếm thêm sự đáp trả bằng vài đồng tiền xứng đáng khác (một ý nghĩ vẫn thường luôn qua đầu một tay bán buôn một khi được trả công quá nhiều cho những điều thiện không đáng giá gì mấy.)

Hắn cầm lấy nón, đeo grom, và xuất hiện trong y phục hoàn chỉnh.

Trong khi đó, cô vợ đã có đủ thì giờ để suy nghĩ. Cô tự co chặt bàn tay mình như để nhốt lại trong đó lòng tử tế mới vừa ban nãy. Mang cảm nghĩ khó chịu vì sợ rằng ông chồng có thể bị lôi vào trong một cái gì đó không thoải mái, cô cố gắng nín áo gã, giữ lại.

Phần gã, với tâm hồn tốt, vâng theo lòng trắc ẩn trong ý nghĩ ban đầu, đã đề nghị đưa người phụ nữ già về tận nhà trước khi cô vợ có thể ngăn cản gã.

Cô vợ đột ngột nói;

"Đường như cái người mà bà đây sợ hãi vẫn còn lảng vảng quanh quán."

"Tôi cũng lo thế," người phụ nữ đáp một cách vô tội.

Cô vợ thì thâm vào tai chồng:

"Nếu như đó là một tay dọ thám thì sao?... Hoặc một âm mưu?... Anh đừng đi! Lấy cái hộp nơi bà ta lại..."

Nghe những lời vợ, tức thì sự can đảm cơn bốc đồng của gã bỗng tụt hẳn xuống con số không! Gã kêu to:

"Ô! Tôi sẽ chỉ đi ra ngoài và nói đôi lời với tên nợ thôi. Tôi sẽ giải thoát bà khỏi tay hắn thật nhanh."

Xong, nhảy vọt ra cửa.

Trong khi đó, người phụ nữ đứng lặng im, vẻ mê muội như một đứa trẻ, rồi ngồi xuống trở lại trên ghế.

Gã làm bánh quay trở lại ngay. Khuôn mặt gã vốn đỏ bừng vì lửa nóng từ lò nướng, lúc này bỗng dung tái nhợt. Sự kinh hoàng bao phủ trên gã đến khiến gã lão đảo trong khi bước đi, đôi mắt nhìn chằm chằm ra ngoài cửa giống hệt một tên say rượu. Gã la lên giận dữ:

"Mụ quý phái khốn nạn! Bộ mụ muốn cái đầu chúng tôi bị chém sao? Mụ cút ngay khỏi đây và đừng bao giờ quay lại nữa. Không được đến đây mua vật dụng nào cho những âm mưu của mụ."

Vừa nói, gã vừa cố giật lại cái hộp nhỏ mà người phụ nữ vừa luồn vào một túi áo khoác. Nhưng ngay từ cái chạm của bàn tay trần tục lên áo quần bà, bà bỗng dung lấy lại sức lực và sự linh lợi riêng, trong óc nghĩ:

"Thà chấp nhận những nguy hiểm trên đường một mình còn hơn là để mất cái vật mà bà vừa mới trả giá bằng đồng vàng cuối cùng."

Và phóng ào ra ngoài, mặc cánh cửa mở toang, bà biến mất hút, để lại hai vợ chồng gã chủ quán đang điếng người run rẩy vì sợ hãi.

## II.

Lại lần nữa trên đường vắng, người phụ nữ bắt đầu những bước vội vã; nhưng sức lực sớm bỏ rơi bà. Bà nghe tiếng tuyết nghiêng dưới những gót chân nặng nề, và biết rằng tên dọ thám nhẩn tâm đang vẫn đuổi theo. Bà buộc lòng ngừng bước. Tên này cũng ngừng bước. Hoặc, từ nỗi khiếp sợ tột độ, hoặc, do bởi thiếu thông minh mà bà không dám nói hay nhìn đến hắn. Bà bước chậm lại; người kia cũng bước chậm và lùi về phía sau một khoảng cách nhưng vẫn có thể nhìn thấy bà. Hắn giống hệt cái bóng của chính bà.

Chuông điểm chín giờ trong khi người đàn ông và người phụ nữ im lặng đi ngang qua nhà thờ Saint Laurent.

Chỉ là điều tự nhiên với sự trầm tĩnh được tiếp liền ngay sau cái lúc bị kích động dữ dội, luôn cả trong tâm hồn một kẻ yếu đuối nhất; bởi, nếu như cảm xúc là vô tận thì khả năng để suy nghĩ của con người cũng bị giới hạn. Vì thế, khi không thấy có gì bị gây hại từ kẻ được cho rằng đang quấy rầy kia, người đàn bà cố gắng ngược nhìn lên anh ta, giống như nhìn một người bạn xa lạ cứ mãi bận tâm trong sự bảo vệ bà. Bà nghĩ đến tất cả mọi hoàn cảnh vừa trải từ khi nhìn thấy kẻ lạ, sắp xếp chúng lại với nhau. Như thể tìm được vài chứng cứ an ủi, bà cảm thấy có khuynh hướng tin rằng, người kia đang mang trong đầu ý định tốt hơn là xấu.

Quên mất nỗi sợ hãi mà kẻ lạ vừa đưa ra với gã làm bánh, bà bước đi bằng những bước vững chắc suốt qua đoạn dốc cao của vùng Faubourg Saint Martin.

Nửa giờ sau, bà tới trước một ngôi nhà ở cái góc mà lối dẫn đến Barrière de Pantin sẽ bị cắt đứt khỏi đường phố chính.

Ngay cả thời bây giờ, chôn này vẫn là một trong những nơi ít có người lui tới nhất của Paris. Ngọn gió bắc thổi trên Buttes-Chaumont và Belleville, rền rĩ suốt qua những căn nhà (đúng hơn là những mái lều) nằm phân tán trên một vùng đất rác rưởi không có cư dân. Nơi đây, những hàng rào là từng đồng đất cao; một chôn rất âu sầu, hoang vắng, dành cho những kẻ khốn cùng, tuyệt vọng đến trú ẩn.

Quang cảnh rõ ràng đã gây ấn tượng mạnh trên kẻ đeo đuổi sau lưng con người đáng thương dám đi một mình giữa khuya trên những đường vắng. Anh ta dừng bước, nghĩ ngợi, thái độ thấy như có sự do dự.

Người đàn bà lớn tuổi lúc bấy giờ có thể nhìn được mập mờ bóng dáng anh ta từ ngọn đèn đường đang tỏa ra một tia sáng yếu ớt suốt qua lớp sương mù dày đặc. Bà nhìn thấy, hay tưởng như đang nhìn thấy, có cái gì độc ác hung hiểm chung quanh dáng vẻ người kia. Nỗi sợ hãi trở lại; bà lợi dụng lúc do dự của kẻ lạ để lách vào bóng tối căn nhà hoang vắng, hồi hả luôn vô trong cửa và biến mất mau lẹ như một con ma.

Trong một lúc, kẻ lạ đứng bất động, nhìn chăm chăm vào ngôi nhà.

Đó là một loại cư trú nghèo khổ ở ngoại ô; tòi tàn suy sụp, được xây bằng những lớp gạch gồ ghề, bên ngoài quét một lớp vữa màu vàng, lại nứt nẻ với những vết rạn lớn để chỉ một cơn gió nhẹ cũng có thể thổi bung nó ra. Cái mái được bao bằng lớp ngói màu nâu đầy rêu phủ, đã thủng vài chỗ, chùng như có thể sụp đổ hoàn toàn dưới sức rơi của tuyết. Cái khung ba cửa sổ trên mỗi tầng lầu đều mục nát ẩm ướt và cong oằn bởi ánh nắng mặt trời; hiển nhiên cái lạnh phải tìm được đường luôn vào bên trong. Riêng ngôi nhà thì tự nó đứng yên trông giống như những căn tháp cổ đã bị thời gian bỏ quên không tàn phá.

Chỉ một tia sáng le lói từ cửa sổ rằm thượng chiếu xuyên qua những khoảng bất thường trên mái ngói; còn ngoài ra toàn thể cảnh vật vẫn chỉ chìm trong bóng tối.

### III.

Khi đó người phụ nữ lớn tuổi leo dễ dàng lên những bậc thang xù nhám được xây vụng về, có tay vịn tét bằng thừng. Tới cánh cửa của khu rằm thượng, bà dừng bước và gõ lên đó bằng một dấu hiệu bí ẩn.

Một ông già mang đến cho bà cái ghế. Bà ngồi xuống ngay, cất tiếng kêu:

"Trón! Trón nhanh!"

Bà nhìn vào ông :

"Họa hoàn khi chúng ta rời ngôi nhà, còn tất cả những gì chúng ta làm đều đã bị khám phá; từng bước đi đều bị canh giữ..."

Một phụ nữ có tuổi khác đang ngồi cạnh lò sưởi, cất tiếng hỏi:

"Bây giờ cái gì xảy ra?"

"Người đàn ông đã lảng vảng chung quanh ngôi nhà ngày hôm qua và hôm nay, theo sau lưng tôi tới đây..."

Với những lời này, cả ba cư dân trong cái hang ở tối tàn nhìn nhau và không cố gắng để che đậy nỗi sợ hãi sâu đậm mà họ đang cảm nhận.

Chỉ vị tu sĩ già là còn giữ được chút bình thản, có lẽ vì đã trải qua sự nguy hiểm nhất rồi, lên tiếng giải thích:

"Một kẻ can đảm bị đè nặng bởi những tai ương lớn lao hay bởi sự hành xác tự hy sinh thân mình; sau đó từng ngày trôi qua trong đời sẽ là từng ngày trở nên một chiến thắng số phận nhiều hơn nữa".

Nhưng ánh nhìn của hai người đàn bà hướng về ông đã thật dễ dàng cho thấy rằng nỗi lo lắng dữ dội của họ chỉ là dành cho riêng ông.

"Tại sao niềm tin Chúa trong chúng ta bị đánh ngã?" ông nói bằng giọng trầm nhưng nồng nhiệt. "Chúng ta đã cất lời ca ngợi Chúa suốt qua tiếng la hét của những kẻ sát nhân và những nạn nhân của họ tại Carmelites. Nếu đó là ý Chúa thì chính tôi phải vượt qua cái lò mổ ấy, bởi vì chắc chắn là tôi đã được dành sẵn cho một số phận trói buộc để chịu đựng mà không kêu ca. Chúa sẽ bảo vệ con cái Ngài; Ngài có thể cùng với họ tùy theo ý muốn Ngài. Đó là điều phải suy nghĩ cho các *Soeurs*, chứ không phải cho tôi."

"Không," một trong hai phụ nữ lên tiếng. "Cuộc sống chúng tôi không thể so sánh được với cuộc sống của một tu sĩ?"

Vị nữ tu không rời khỏi nhà nói thêm: "*Một lần, bên ngoài nhà ngục Abbaye de Chelles, tôi tự xem mình như một kẻ đã chết*", trong khi vị nữ tu vừa mới trở về đưa ra cái hộp nhỏ cho vị tu sĩ:

"Đây là những cái bánh quế..., nhưng, tôi nghe hình như có người đang leo lên cầu thang."

Cả ba bắt đầu lắng tai. Tiếng động ngừng lại.

Linh mục nói:

"Đừng hoảng hốt nếu như có ai đó muốn vào đây, một người mà chúng ta có thể trông dựa vào để thi hành tất cả những dàn xếp cần thiết cho sự vượt biên giới của mình. Ông ta đến vì những lá thư mà tôi đã viết cho ngài Công tước de Langeais và ngài Hầu tước de Beauseant để hỏi xin họ tìm cách nào đem các *Soeurs* ra khỏi cái xứ đáng sợ này, khỏi cái chết hay khỏi cái khốn khổ đang chờ các *Soeurs* nơi đây."

"Nhưng thưa cha, cha không bỏ đi với chúng tôi sao?" hai nữ tu cùng kêu lên tiếng nhỏ, giọng gần như tuyệt vọng.

"Nhiệm vụ của tôi là ở đây, nơi mà những kẻ đau khổ đang ở," Linh mục trả lời đơn giản.

Hai phụ nữ không nói gì nữa nhưng ngược nhìn lên người khách của họ với sự ngưỡng mộ kính trọng.

Linh mục quay sang vị nữ tu đã trao cho ông hộp bánh quế:

"*Soeur Marthe*, kẻ đưa tin sẽ nói '*Fiat Voluntas*' để trả lời cho chữ '*Hosanna*'."

Nữ tu còn lại vừa kêu nhỏ, vừa đưa tay mở ra một chỗ trốn đã được trù liệu sẵn trên mái nhà:

"Có ai đang đi lên cầu thang!"

Lúc này thì dễ dàng để nghe tiếng động vang lên khắp cả cầu thang giữa cái yên lặng sâu thẳm.

Đó là bước đi được bao bọc dưới lớp bùn lầy nặng chịch của một người đàn ông.

Với một chút khó khăn, vị tu sĩ lách mình vào trong một cái tủ, và hai vị nữ tu ném theo vài áo quần bao phủ ông lại.

"Có thể đóng cửa, *Soeur Agathe* à," Linh mục nhỏ giọng.

Vừa vặn khi ấy có ba tiếng gõ nhẹ trên cánh cửa. Hai nữ tu nhìn vào mắt nhau để dò hỏi, rồi im thin thít.

Cả hai *Soeurs* đều khoảng sáu mươi. Họ rời xa đời sống thế tục đã bốn mươi năm và lớn lên trong đời sống tu viện, quen thuộc đến nỗi họ không thể tưởng tới bất cứ gì khác. Với họ, giống hết những cây nhỏ được giữ trong một căn nhà ấm, một thay đổi môi trường có nghĩa là "cái chết". Và vì thế, một buổi sáng, khi cái lưới sắt tu viện bị đón ngã, họ đã biết với một cái rùng mình rằng họ được tự do.

Hiệu quả từ cuộc Cách mạng gây ra trên tâm hồn đơn giản của họ thì dễ dàng để tưởng tượng; nó tạo nên sự khờ khạo nhất thời cho họ. Họ không thể mang những ý tưởng học hỏi được từ tu viện để hòa hợp vào trong đời sống với những khó khăn của nó; ngay cả không thể hiểu chỗ đứng riêng biệt thật sự của họ nữa. Họ giống như những đứa trẻ được mẹ luôn luôn quan tâm, bây giờ đột nhiên bị bỏ mặc nửa chừng. Và như những tiếng khóc của một bé thơ, họ chỉ biết tự cầu nguyện. Lúc này, trong hiện tại của một nguy hiểm sắp xảy ra, họ bị câm và thụ động, cam chịu với những gì đưa đến.

Người đàn ông ngoài cửa lặng lẽ xuất hiện. Hai người phụ nữ càng thêm run rẩy. Đây là kẻ lúc trước đã từng lảng vảng quan sát chung quanh nơi họ ở. Dù vậy, họ vẫn nhìn vào kẻ lạ với sự tò mò sợ hãi, giống như những em nhỏ nhút nhát im lặng nhìn chằm chằm vào mặt người lạ. Chẳng ai nhúc nhích.

#### IV.

Kẻ mới đến là một người đàn ông cao to, vạm vỡ. Không có gì trong cách cư xử hay dáng điệu ông ta gợi lên sự hiểm ác. Ông đứng bất động, đảo mắt nhìn khắp phòng. Hai cái chiếu rom trải trên những tấm ván làm thành hai giường ngủ. Trên cái bàn kê giữa phòng có đặt một cái giá bằng đồng, vài đĩa ăn, ba con dao và một cái cối đựng đường hình tròn. Một ngọn lửa nhỏ cháy trong lò nấu. Vài mẫu gỗ chất đống một góc giống như những nhân chứng cho sự nghèo khổ của những con người ân dật này.



Chỉ cần nhìn lên lớp sơn quét tường cũng có thể khám phá ra rằng mái ngói rất tẻ, và cái trần nhà là một mạng lưới hoàn hảo của những vết bẩn màu nâu được tạo thành bởi chất nước mưa. Một di vật rõ ràng là đã được cứu thoát khỏi cái cùm khổ của nhà ngục Abbaye de Chelles, đặt đứng trên mặt lò sưởi như một món trang hoàng vinh dự. Ba cái ghế, hai cái hộp, và một cái tủ khập khiễng hoàn tất danh sách các vật dụng. Nhưng cánh cửa bên cạnh lò sưởi gợi ra một phòng nhỏ ở phía sau.

Thật nhanh, kẻ lạ thấy mình đang đứng giữa một môi trường đáng thương kinh khủng. Tâm hồn ông chùng thấp đến nỗi phải quay sang nhìn hai vị nữ tu với ánh mắt xót thương kỳ lạ; và dường như, ít hay nhiều, ông cũng bị lúng túng khó khăn như họ.

Sự im lặng của kẻ lạ không kéo dài bởi chẳng mấy chốc, ông bắt đầu hiểu.

Thấy hai người phụ nữ đáng thương đang tỏ ra vô cùng hốt hoảng sợ hãi, ông cố gắng nói nhẹ với họ:

"Tôi không đến đây như một kẻ thù địch, thưa các nữ công dân..."

Ngừng lại một nháy, bất thần ông bật tiếp:

"Các chị ạ, nếu như có điều gì xảy ra cho các chị thì xin hãy tin tôi, tôi không dự phần trong đó. Tôi chỉ đến để cầu xin ơn huệ của các chị."

Hai người phụ nữ vẫn im lặng.

"Nếu như tôi quấy rầy các chị... nếu như... nếu như sự hiện diện của tôi nơi đây làm phiền các chị thì xin cứ nói thẳng và tôi sẽ bỏ đi. Chỉ mong các chị hiểu cho rằng tôi hoàn toàn chịu sự sai khiến của các chị; nếu tôi có thể làm điều gì cho các chị thì các chị không cần phải sợ hãi mà cứ sai bảo tôi. Tôi, và chỉ tôi duy nhất, có lẽ là hơn cả luật pháp, kể từ khi không còn Vua nữa."

Có tiếng rung của lòng thành thật vang lên trong những lời kẻ lạ, mạnh đến nỗi vị nữ tu Agathe vội vã chỉ vào một cái ghế như thể muốn mời khách ngồi xuống.

*Soeur* Agathe xuất thân từ gia đình Langeais; trên thái độ cho biết rằng *Soeur* từng quen thuộc với những khung cảnh huy hoàng, và từng thở hít bầu không khí cung đình.

Khách lạ dường như vừa hài lòng cũng vừa đau khổ khi hiểu ra lời mời đó; ông đợi cho đến khi các người phụ nữ đã an tọa mới tự mình ngồi xuống.

"Các chị đang giúp cho một Linh mục đáng tôn kính cư trú, người đã từ chối lời tuyên thệ và trốn thoát khỏi cuộc tàn sát tại Carmelites bằng một phép lạ..."

"*Hosanna!*" *Soeur* Agathe kêu lên, cắt ngang lời người khách trong khi nhìn ông với cái nhìn tò mò.

"Đó không phải là cái tên, tôi nghĩ thế," ông nói.

"Nhưng, thưa ông," *Soeur* Marthe vội vã, "chúng tôi không có tu sĩ nào ở đây, và..."

"Nếu đúng như thế thì xin các chị phải cẩn thận và cảnh giác đề phòng nhiều hơn," ông ta trả lời nhẹ nhàng, duỗi thẳng bàn tay với lấy cuốn Thánh Kinh đang đặt trên bàn. "Tôi không nghĩ rằng các chị biết tiếng La Tinh, và..."

Ông ngừng lời; bởi, nhìn thấy sự xúc động tột độ trên mặt hai nữ tu khốn khổ, ông sợ rằng mình đã đi quá xa. Họ đang run rẩy và lệ đoanh tròn trong mắt.

"Đừng sợ," ông nói thẳng thắn. "Tôi biết tên các chị và cả tên vị khách của các chị. Ba ngày trước tôi có nghe kể về sự đau khổ và sự hy sinh của các chị với vị Linh mục đáng kính kia..."

"Hush!" *Soeur Agathe* la lên bằng tất cả đơn giản của tâm hồn trong khi đặt một ngón tay lên môi mình.

"Đó, các chị thấy không, rằng nếu như tôi có trong đầu cái ý tưởng kinh khủng phản bội các chị, tôi đã khai báo các chị với nhà chức trách rồi..."

Ngay những lời này thì vị Linh mục bước ra khỏi chỗ trốn và đứng giữa bọn họ.

Tu sĩ nói:

"Thưa ông, tôi không thể ngờ rằng ông lại là một trong những kẻ từng ngược đãi hành hạ chúng tôi, nhưng tôi tin lời nói ban nãy của ông. Nào, ông muốn gì ở tôi?"

Cái vẻ tự tin đầy thánh thiện của Linh mục, nét cao quý biểu thị trên từng đường nét của khuôn mặt ngài đã đánh bại một kẻ sát nhân. Trong một lát, vị khách bí mật, người đã mang một không khí kích động vào đời sống những con người khốn khổ và cam chịu nhẫn nhục, nhìn chăm chăm vào nhóm người kia; rồi quay về phía Linh mục và nói, như thể đang muốn giải bày một tâm sự:

"Thưa Cha, tôi đến để xin Cha làm một buổi lễ cầu cho sự nằm xuống của một linh hồn, của... của... của một con người đáng kính trọng mà thân xác ông ta sẽ không bao giờ an nghỉ được trong lòng đất..."

Bỗng dưng, Linh mục rùng mình.

Hai nữ tu chẳng hiểu ai là người mà vị khách đang nói tới. Đầu họ ngẩng cao, mặt quay về phía ông ta, trên toàn thái độ lộ rõ nét tò mò. Trong khi đó thì Linh mục nhìn chăm chú vào kẻ lạ. Ông thấy rõ ràng trên mặt người khách có dấu nét lo lắng, và trong mắt là một nỗi khăn nài nồng nhiệt.

"Tốt lắm," Linh mục đáp. "Xin trở lại vào lúc nửa đêm. Tôi sẽ sẵn sàng cho buổi cầu hồn độc nhất bằng những gì chúng tôi có thể để cúng hiến cho sự hối chuộc tội ác mà ông vừa nói tới."

Một sự rùng mình trải suốt châu thân kẻ lạ, nhưng vẻ toại ý êm đềm điềm tĩnh dường như chiếm ưu thế hơn nỗi đau khổ giấu diếm. Ông cúi đầu chào từ giã trong một cách thể đầy tôn kính, và ba tâm hồn đại lượng còn lại cảm nhận được lòng biết ơn âm thầm của người kia.

Hai giờ sau, khách lạ trở lại, gõ nhẹ lên cánh cửa xép.

Mademoiselle de Beauseant chỉ đường cho ông bước vào căn phòng thứ hai của nơi chốn ảm náu khiêm tốn.

Tất cả đã được sắp đặt sẵn sàng. Hai nữ tu đã dời cái tủ ra giữa lò sưởi; phủ bên ngoài cái vè kỳ quặc của nó một tấm khăn trải bàn bằng lụa màu xanh lá cây. Những bức tường trông thật trơ trụi nghèo nàn; vật duy nhất được treo lên đó chỉ là một cây thánh giá lớn làm bằng ngà và gỗ mun. Bốn ngọn nến nhỏ được hai nữ tu sáng chế bằng cách dùng sáp gắn chặt chúng lên mặt bàn thờ, tỏa ra một tia sáng mỏng manh đến gần như bị phân tán bởi những bức tường. Phần còn lại của căn phòng thì chìm hẳn trong bóng tối. Dù vậy, sự phản chiếu nhẹ nhàng tập trung trên những vật thánh lễ, trông giống như một tia sáng rơi xuống từ Trời cao trên cái điện thờ không được trang hoàng bày biện đó. Sàn gỗ bốc mùi ẩm thấp. Một ngọn gió lạnh thổi qua những khe hở trên mái nhà dựng thẳng ở mỗi phía, dựa theo kiểu thức của những gác mái.

Không điều gì có thể ít oai nghiêm hơn; nhưng có lẽ cũng chẳng có gì có thể nhiều trang trọng hơn buổi lễ bi ai này. Sự yên lặng sâu thẳm bao phủ cảnh vật đến nỗi người ta nghe được âm thanh nhỏ nhất của một giọng nói phát ra từ con đường Route d'Allemagne, phong tỏa bức vẽ ban đêm trong một loại uy nghi sâu thẳm trong khi sự cao cả của buổi lễ -tương phản mạnh mẽ với cảnh vật nghèo khó chung quanh- đã tạo nên một cảm giác kính sợ rất đáng cung kính.

Hai nữ tu quỳ xuống cạnh bệ thờ, thành tâm cầu nguyện, không màng lưu tâm đến cái lạnh cắt da bốc lên từ sàn gạch ẩm ướt. Linh mục mặc áo lễ vào người, tay cầm một bộ cốc rượu bằng vàng có giát ngọc; hẳn đó là một vật đã được bảo lưu theo sự cướp bóc từ nhà ngục Abbaye de Chelles. Bên cạnh bình đựng thánh thể (thứ quà tặng vương giả cho vị Linh mục), rượu vang và nước lã dành cho buổi lễ được rót sẵn trong hai cái cốc chắc chắn là đã được mua về từ một quán rượu rất tồi tàn.

Theo nhu cầu của một buổi lễ, Linh mục đặt lên bệ thờ cuốn Thánh kinh và một cái đĩa bằng đất nung dùng để rửa tay. Tất cả trông vô cùng cao cả nhưng cũng thật nhỏ bé. Nghèo nàn nhưng cao quý, pha chút thiêng liêng và trăn tịt.

Khách lạ tiến về phía trước, quỳ xuống một cách cung kính giữa hai nữ tu.

Bởi không còn cách nào khác nên Linh mục đành buộc miệng nhiều đên chung quanh cái đài hoa của cây thánh giá để biểu thị cho một tang lễ; như thể chính Chúa đang than khóc. Khách lạ đột nhiên nhận ra điều ấy, những giọt mồ hôi rịn trên vầng trán rộng, cái nhìn ông rõ ràng như đang gọi lại những ký ức rất sâu đậm.

Thế rồi cả bốn diễn viên trên cái sân khấu ấy lặng lẽ nhìn nhau; tâm hồn đắm chìm trong sự cầu nguyện cho đến khi những ý nghĩ thấy đều hòa tan trong nỗi sợ hãi và lòng thương xót. Đối với họ, cuộc hành hình quý tộc mà thân xác người bị hành hình tan rữa trong vôi sống đã được gọi lại bởi lòng khao khát của khách lạ và bây giờ đang đứng dậy như một cái bóng với tất cả oai nghiêm của một vị vua.

Họ đang làm lễ truy niệm cho một người chết mà thân xác đang nằm ở nơi khác.

Dưới những thanh gỗ mỏng lát trần và lớp ngói bị trật khớp, bốn tín đồ Thiên Chúa Giáo đang thực hành một tang lễ không có quan tài, và đặt để những lời cầu nguyện lên Chúa cho linh hồn Vua Louis XV của nước Pháp.

Không sự hiến dâng nào có thể thanh khiết hơn buổi lễ này. Một hành động tuyệt vời của lòng tin đạt được với không một nghi thức nào kế tiếp. Chắc chắn rằng trong cái nhìn của Chúa, điều đó giống như một cái cốc chứa đầy những đức hạnh cao cả nhất.

Những lời cầu nguyện được xướng lên bởi hai nữ tu yếu đuối và một Linh mục đại diện cho toàn thể Giáo Hội; và cùng thời gian ấy, cũng tìm thấy được trên kẻ lạ những dấu nét hối hận lớn lao và một sự ăn năn vô bờ đến khó thể nghĩ tới điều thực hiện cho tròn những lời ông ta đã thề với Hội đồng Cách mạng trước kia.

Khi đến đoạn những câu kinh bằng tiếng Latin, "*Introibo ad altare Dei*", bỗng có một linh cảm thần thánh sáng lên trên vị Linh mục; ngài nhìn vào ba con người đang quỳ trước mặt, những kẻ đại diện của Thiên Chúa giáo nước Pháp, và, thay vì đọc lên câu kinh ấy thì ngài lại nói, như thể muốn thổi bay đi sự nghèo khổ của căn nhà tội tàn :

*"Chúng ta đang đi vào Nơi Trú Ẩn của Chúa!"*

Những lời này được thốt với sự nghiêm trang một cách cảm động đã bất ngờ gỡ mạnh sự cung kính sợ hãi trong hai vị nữ tu và khách lạ. Dưới mái vòm của Thánh đường St. Pierre ở La Mã, Chúa hẳn không hiển lộ trong sự uy nghi cao cả hơn cho bằng dưới mắt những con chiên đang trú ẩn trong cái góc nghèo khổ tại đây; thật đến nỗi tất cả những phương tiện, hình thức nào giữa Chúa và linh hồn con người thì không cần thiết, và tất cả sự cao cả của Chúa chỉ xuất phát từ chính riêng Ngài mà thôi.

Sự tha thiết, sôi nổi của kẻ lạ trông rất thành thật. Mỗi xúc cảm trộn lẫn với niềm khản khoản dậy lên trong những lời cầu nguyện của bốn kẻ tội tở Chúa và Đức Vua. Những lời thánh thiện vang cao như tiếng nhạc của thiên đàng suốt qua sự im lặng.

Lúc bài Kinh Lạy Cha được đọc thì vị Linh mục có thêm vào một lời cầu khẩn bằng tiếng Latin, và đám con chiên của ngài chắc chắn hiểu khi ngài nói:

*"Et remitte scelus regicidis sicut Ludovicus eis remisit semetipse"*—(Xin tha thứ cho kẻ giết Vua như chính đức Louis XVI đã tha cho họ).

Trong một lúc, lệ đoanh tròn đôi mắt kẻ lạ. Hai nữ tu nhìn thấy hai giọt lệ lớn vạch kẽ một đường máng rãnh trên đôi má người khách và rớt xuống trên sàn.

Rồi bài kinh truy điệu dành cho người chết được ngâm; câu hát "*Domine salvum fac regem*" được cất cao bằng một giọng trầm, đi thẳng vào lòng những con người Bảo Hoàng chung thủy trong lúc nghĩ đến vị Ái Chúa mà họ đang cầu nguyện cho cũng bị cầm giữ trong tay những kẻ thù địch. Một cái rùng mình chạy suốt thân hình kẻ lạ theo ý nghĩ rằng "*một tội ác mới có thể được làm ra và ông không thể làm gì khác hơn ngoài sự cũng đã dự phần trong đó.*"

Buổi lễ chấm dứt.

Linh mục ra hiệu cho hai nữ tu rút lui.

Khi còn lại một mình với kẻ lạ, ngài bước đến bên cạnh, nói với giọng nghiêm trang, tử tế đầy tình phụ tử:

"Con ơi, nếu hai bàn tay con đã nhuộm với máu những người quý tộc bị đọa đầy thì hãy tâm sự cho Cha nghe. Không có tội lỗi nào mà không thể được tẩy sạch trong cái nhìn của Chúa từ sự ăn năn hối cải thành thật và cảm động như con đã chứng tỏ."

Thoạt nghe những lời thứ nhất, kẻ lạ đã giật mình sợ hãi, dù chỉ âm thầm với riêng mình.

Rồi ông lấy lại bình tĩnh và yên lặng nhìn vào vị Linh mục lạ lùng.

"Thưa Cha," ông nói, (Linh mục cảm nhận rõ rệt được sự chấn động trong giọng nói ông ta), "không ai ít tội lỗi hơn con trong cái hồ đầy máu đó..."

"Cha thật lòng tin những lời con nói," Linh mục đáp.

Ông lặng yên một lúc, rồi nhìn chăm chú vào kẻ đang sám hối. Nhưng, đoán chắc rằng người đàn ông trước mặt chỉ là một trong những phần tử của Quốc Ước Hội (la Convention) đang phản bội Cách Mạng, ngài bắt đầu lần nữa một cách nghiêm trang:

"Hãy nhớ rằng, cho dù không trực tiếp tham dự vào tội ác lớn lao kia thì sự kiện đó không đủ để xá miễn cho con. Chỉ những ai có thể đã che chở Đức Vua và tự tra cây kiếm vào vỏ sẽ có được một tài sản lớn lao để dâng nộp cho Đức Chúa Trời. A! đúng thế,"

Linh mục nói thêm với một cái lắc đầu mạnh mẽ:

"Thật đúng! Bởi chính vì không phản ứng gì mà họ trở nên kẻ tòng phạm trong điều độc ác khủng khiếp kia đã phạm kia."

Khách lạ hỏi với cái nhìn hoang mang:

"Thưa, Cha có nghĩ rằng sự gián tiếp tham dự sẽ bị trừng phạt? Những người lính bị buộc phải đứng vào hàng... thì có phải chịu trách nhiệm?"

Linh mục tỏ vẻ do dự. Còn kẻ lạ thì vui mừng; ông ta đã đặt con người nghiêm nghị Bảo Hoàng kia vào trong cái thế khó xử của lòng sùng bái giữa hai giáo điều quan trọng như nhau:

"*Sự vâng lời thụ động*" (bởi, những người trụ chống của chế độ quân chủ xác nhận rằng sự phục tùng là nguyên tắc thứ nhất của nền quân pháp),

với "*lòng tôn kính dành cho đấng quân vương*".

Trước sự do dự của Linh mục, khách lạ tỏ ra hăm hở như muốn nhìn thấy cái giải pháp thuận lợi cho những ngò vực của mình, điều dường như đang dày vò tâm hồn ông.

Để ngăn ngừa sự phản ứng của vị Linh mục đáng kính, kẻ lạ nói thêm:

"Con rất xấu hổ mà đưa ra lời đề nghị rằng xin được đền đáp dưới bất cứ hình thức nào cho buổi lễ cầu hồn mà Cha vừa thực hiện cho sự an nghỉ của linh hồn Đức Vua và sự khuây khỏa của lương tâm con. Sự đáp trả duy nhất khả dĩ cho buổi lễ vô giá này là một dâng tặng cũng vô giá không kém. Xin Cha rũ lòng nhận lấy món quà của con về thánh tích này. Một ngày kia có lẽ Cha sẽ hiểu rõ được giá trị của nó."

Vừa nói kẻ lạ vừa đưa ra một cái hộp nhỏ rất nhẹ.

Có thể là quá kinh ngạc bởi những lời trang nghiêm và sự sùng kính trong âm giọng khách khi ông chìa ra cái hộp, Linh mục đưa tay cầm lấy một cách máy móc.

Hai người đàn ông cùng bước trở vào trong căn phòng thứ nhất. Hai nữ tu đang chờ họ ở đây.

Kẻ lạ nói:

"Căn nhà các người đang lưu trú thì thuộc về Mucius Scaevola, người thợ hồ trên tầng thứ nhất. Anh ta được biết đến nhiều trong Hội đồng Nhân dân vì lòng ái quốc của anh, nhưng thật sự anh ta là một kẻ rất trung thành với dòng họ Bourbons. Anh ta từng phụ trách việc chăm sóc đàn chó săn của Hoàng thân de Conti, và có được mọi thứ nhờ Hoàng thân. Bao lâu còn ở trong nhà này, các vị còn được an toàn hơn bất cứ nơi nào trong nước Pháp. Đừng nên đi ra ngoài. Những kẻ ngoan đạo sẽ cung cấp những thứ cần thiết cho Cha, và các vị có thể đợi trong an bình một thời điểm khá hơn. Năm sau, vào ngày 21 tháng giêng," khách lạ không thể che giấu một cái rùng mình tự nhiên trong khi nói, "nếu các người còn ở nơi chốn đáng sợ này thì con sẽ trở lại lần nữa để làm lễ hồi chuông như hôm nay..."

Khách lạ đột nhiên ngừng lời, cúi đầu chào cả ba người, -những con người chỉ đứng lặng im-, đưa ra cái nhìn cuối cùng vào căn nhà mang đầy dấu vết cùng khổ, rồi biến mất.

Việc bất ngờ đã làm dậy lên mối quan tâm mơ mộng trong tâm tư hai nữ tu thánh thiện.

Ngay khi đó, vị Linh mục đáng kính kể cho họ nghe câu chuyện về món quà bí mật đang đặt trên bàn. Dưới ánh sáng yếu ớt của ngọn nến mỡ bò, một sự tò mò pha lẫn lo ngại khôn xiết hiện ra trên cả ba khuôn mặt. Mademoiselle de Langeais mở hộp, thấy một cái khăn tay bằng vải mịn rất đẹp, ó bản vì mồ hôi; và khi họ bung ra hẳn, nó lại rõ ràng biến thành màu đậm.

"Máu!" Linh mục kêu lên.

Đến lượt nữ tu Agathe bật tiếng la:

"Và được đánh dấu với vương miện Hoàng gia!"

Hai phụ nữ thất kinh. Với tâm hồn giản dị của họ, sự bí mật bao quanh kẻ lạ càng được gọi lên một cách không thể giải thích cho họ; trong khi với Linh mục, kể từ ngày đó ông không cả muốn cố gắng để hiểu nó.

## V.

Thật lâu trước khi những người tù đáng thương nhận biết điều gì thì ngay cả dù đang ở dưới thời kỳ Khủng Bố, cũng đã có một bàn tay đầy quyền lực duỗi ra trên họ. Khởi đầu, họ nhận được củi đốt và thực phẩm dự trữ; kẻ tiếp khấn trải giường được gửi đến cùng với những áo quần họ có thể mặc khi rời ngôi nhà mà không khiến cho ai phải để ý đến tính cách quý tộc của họ. Sau một thời gian, Mucius Scaevola trao họ hai cái thẻ công dân; và để giữ an toàn cho họ, những thứ cần dùng thường xuyên được đưa đến quanh co theo nhiều đường lối. Những lời báo trước và khuyên răn đến với họ đúng lúc như thể chúng đã được gửi tới bởi ai đó đang nắm quyền bí mật quốc gia trong tay. Và, trong thời gian Paris bị đe dọa bởi nạn đói thì bàn tay vô hình mang khẩu phần "bánh mì trắng" cho hai người phụ nữ trong căn nhà nghèo khổ.

Hai nữ quý tộc tin rằng người bảo trợ họ chính là vị khách lạ của buổi lễ sám hối tối ngày 22 tháng Giêng 1793. Lòng tôn kính về ông nổi lên giữa họ. Niềm hy vọng độc nhất của họ đặt để trên ông; họ sống nhờ ông. Trong những buổi cầu kinh, họ thêm vào những lời nài khẩn đặc biệt dành cho ông; đêm và ngày những tâm hồn ngoan đạo này ước nguyện cho hạnh phúc, sự thành công, sự an toàn của ông. Họ van xin Chúa cất đi hết mọi điều cảm dỗ xa khỏi con đường ông đi, mang ông khỏi những kẻ thù, ban cho ông một đời dài an ổn.

Lòng biết ơn sâu sắc lập đi lập lại hằng ngày này đã được hòa tan trong cảm giác tò mò lớn dậy trong tim họ càng nhiều sống động hơn theo từng bữa. Họ trò chuyện với nhau về lần xuất hiện bất ngờ thứ nhất của khách, những ước đoán không cùng. Vô tình mà kẻ lạ đã đem cho họ một mối lợi ích bằng cách làm tiêu khiển trí não họ. Lần nữa, và lần nữa, họ nói, "lần tới ông ta đến để tưởng niệm ngày chết của Vua Louis XVI, như đã hứa, chắc chắn là họ sẽ kết với ông một tình bạn thiết."

Cuối cùng cái đêm được nôn nóng chờ đợi rồi cũng đến.

Vào lúc nửa khuya, cái cầu thang gỗ cũ kỹ vang lên những bước chân nặng nề của kẻ lạ. Hai nữ tu đã sửa soạn căn phòng hết sức ngăn nắp để đón chào người khách; cái bệ thờ đã sẵn sàng, và lần này cánh cửa mở sẵn, còn hai nữ tu thì đang đứng ở đầu cầu thang, hăm hở soi sáng lối đi. Mademoiselle de Langeais ngay cả còn đi xuống vài bước để gặp vị ân nhân trước hết.

"Vào," *Soeur* run run nói bằng giọng trùi mền, "vào đi, chúng tôi đang đợi ông."

Khách lạ ngừng mặt lên, đưa ra một cái nhìn u tối và không đáp lời gì cả.

Vị nữ tu cảm thấy như thể có một cái áo giá lạnh ập xuống trên mình, và cũng không nói lời nào.

Nhìn vào khách, lòng tri ân sôi nổi và sự tò mò tất lịm tức thì trong tim ba con người đang trốn tránh.

Với họ, có lẽ ông ta không quá lạnh lẽo, không quá làm lì hay không quá nghiêm khắc như ông đã có vẻ “*là như thế*”, bởi, trong tính khí được rèn luyện kỹ càng của họ, họ đã sẵn sàng để tuôn ra cảm xúc của một tình bạn. Nhưng cả ba người tù khốn khổ hiểu rằng người khách muốn “*chính ông là kẻ lạ với họ*”; nên đành chịu.

Vị Linh mục tưởng như nhìn thấy một cái cười trên môi khách lạ trong khi ông ta nhìn sự sửa soạn đã sẵn sàng cho cuộc viếng thăm, nhưng điều đó lập tức được nén lại.

Người khách nghe những câu kinh, nói lời cầu nguyện, rồi biến mất, từ chối với sự lễ phép theo lời mời của Mademoiselle de Langeais cùng tham dự bữa ăn nhẹ đã làm sẵn cho ông ta.

## VI.

Kể từ sau cuộc chính biến ngày 27/7/1794 đánh đổ đảng Cách mạng do Maximilien Robespierre cầm đầu, hai nữ tu và Linh mục Abbe de Marolles đã có thể đi vòng quanh Paris mà không gặp chút nguy hiểm nào.

Lần thứ nhất ra ngoài, Linh mục tìm đến tiệm bán nước hoa có gắn tấm biển “*Nữ Hoàng của Các Loại Hoa Hồng*” do hai vợ chồng công dân Ragon làm chủ. Hai ông bà Ragons là những kẻ trung thành với phe Bảo Hoàng; có nghĩa là thông qua họ, những kẻ cầm đầu đảng Bảo Hoàng khởi loạn vẫn liên lạc được với các Hoàng thân và uỷ ban bảo thủ ở Paris.

Linh mục, trong bộ trang phục bình thường lúc bấy giờ đang đứng trên ngưỡng cửa tiệm nước hoa (nằm giữa Saint Roch và Rue des Frondeurs) nhận thấy con đường Saint Honore đầy những người tụ tập khiến ông không thể đi qua cho được. Ông hỏi Madame Ragon:

"Cái gì xảy ra thế?"

"Không có gì," bà đáp; "chỉ là cái xe bò chở tên đao phủ thủ tới Công trường Louis XVI. A! Chúng tôi thấy điều ấy quá nhiều trong năm qua; nhưng hôm nay, bốn ngày sau ngày kỷ niệm 21 tháng Giêng, người ta không còn cảm thấy buồn khi nhìn đám diễu hành ghê sợ đó nữa."

"Sao lại không chứ?" Linh mục hỏi. "Đó không phải là lời nói của một tín đồ Công Giáo."

"Ê! Nhưng, đây lại là cuộc hành hình những kẻ tòng phạm của Maximilien Robespierre. Họ cứ tự biện hộ cho mình trong một thời gian dài nhưng bây giờ đến phiên họ phải đi đến cái nơi mà họ đã làm y hệt cho biết bao người vô tội."

Đám đông túa ra như một cơn nước lũ.

Vị Linh mục, vâng theo nỗi thôi thúc tò mò, nhìn vượt lên trên các cái đầu dân chúng và thấy trên chiếc xe bò có một người đàn ông đang đứng. Đó chính là vị khách đã nghe lễ trong căn nhà nghèo khổ ba ngày trước đây.

"Ai thế?" Linh mục hỏi; "ai là người đàn ông với..."

Monsieur Ragon đáp:



"Chính là tên thủ lĩnh Maximillien Robespierre. Người ta gọi hắn là đao phủ thủ của các nhà quý tộc (*l'executeur des hautes oeuvres*") bởi đó là cái tên hắn đã được gọi dưới chế độ quân chủ lập hiến.

Bỗng Madame Ragon la lớn:

"Ô! Mình ơi, mình ơi! Ngài Linh mục đang bất tỉnh!".

Bà chộp lấy bình dấm chua, và cố gắng hồi phục lại ý thức cho vị Linh mục già.

Linh mục thì thào:

"Chắc chắn là ông ta đã cho tôi cái khăn tay mà Đức Vua đã dùng để lau trán trên đường đến chỗ hành quyết... Thật là một kẻ đáng thương!.. Có một trái tim bên trong con người sắt đá đó, trong khi chẳng thể tìm ra điều ấy ở bất cứ ai trong toàn thể nước Pháp..."

Hai vợ chồng chủ tiệm bán nước hoa ngỡ rằng vị Linh mục tội nghiệp kia đang nói sáng.

(Paris, January 1831.)

[]

(Trần Thị Bông Giấy)

(Bài chuyển ngữ xong vào đêm June 29/2012).

(Đọc lại vào đầu tháng 5/2020 trong mùa dịch V4 Hán).

[]